

CHUYÊN ĐỀ NGỮ PHÁP: CẤU TRÚC SO SÁNH HƠN (COMPARATIVE)

So sánh là một phần ngữ pháp được sử dụng rất phổ biến và quan trọng trong tiếng Anh. Trong tiếng Anh giao tiếp cũng như trong các kỳ thi (IELTS, TOEFL, TOEIC), các dạng câu so sánh được sử dụng rất nhiều và phổ biến. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu chi tiết về cấu trúc **So sánh hơn** với các quy tắc cực kỳ đơn giản, dễ nhớ dành cho các em học viên.

1. CÔNG THỨC CỐT LÕI CỦA SO SÁNH HƠN

Để làm được bài toán so sánh hơn, bước đầu tiên và quan trọng nhất là chúng ta phải phân biệt được hai loại tính từ: **Tính từ ngắn** và **Tính từ dài**.

- **Đối với tính từ ngắn:** Tính từ ngắn + ER + than
- **Đối với tính từ dài:** MORE + tính từ dài + than

1.1. Quy tắc áp dụng cho Tính từ ngắn

Định nghĩa tính từ ngắn là tính từ có một âm tiết (khi phát âm chỉ bật ra một hơi).

- *short* (ngắn) → **shorter**
- *long* (dài) → **longer**

Mẫu câu ví dụ cụ thể:

Giả sử ta có hai đồ vật: Thước kẻ của tôi dài 5 cm (My ruler is 5 cm long). Thước kẻ của Nam dài 7 cm (Nam's ruler is 7 cm long).

Ví dụ 1: My ruler is shorter than Nam's.

Giải thích chi tiết: Thước kẻ của tôi ngắn hơn thước kẻ của Nam. Ở đây "short" là tính từ ngắn nên ta thêm đuôi "er" thành "shorter". Từ "Nam's" viết tắt cho "Nam's ruler".

Ví dụ 2: Nam's ruler is longer than mine.

Giải thích chi tiết: Thước kẻ của Nam dài hơn của tôi. Tính từ ngắn "long" thêm đuôi "er" thành "longer". Từ "mine" là đại từ sở hữu thay thế cho "my ruler".

Các chú ý đặc biệt khi thêm "er" cho tính từ ngắn:

- **Nhân đôi phụ âm cuối:** Khi tính từ kết thúc bằng một phụ âm và trước nó là một nguyên âm đơn duy nhất (A, E, I, O, U), ta phải nhân đôi phụ âm cuối rồi mới thêm "er".
Ví dụ: hot → **hotter** | fat → **fatter** | thin → **thinner** | fit → **fitter**.
- **Trường hợp ngoại lệ 2 âm tiết tính như tính từ ngắn:** Một số tính từ có hai âm tiết nhưng kết thúc bằng đuôi "et, ow, le, er" thì vẫn áp dụng quy tắc thêm đuôi "er".
Ví dụ: quiet → **quieter** | clever → **cleverer** | simple → **simpler** | narrow → **narrower**.
- **Tính từ tận cùng bằng "Y":** Những tính từ có hai âm tiết tận cùng là chữ cái "Y" thì ta đổi "Y" thành "I" rồi mới thêm đuôi "ER".
Ví dụ: happy → **happier** | easy → **easier** | lazy → **lazier**.

1.2. Quy tắc áp dụng cho Tính từ dài

Tính từ dài là những tính từ có từ hai âm tiết trở lên (trừ các trường hợp đuôi đặc biệt đã nêu ở trên).

- Với những trường hợp hai âm tiết thông thường còn lại, ta thêm từ **MORE** vào trước tính từ để giữ nguyên từ đó.

Ví dụ: famous → **more famous** | helpful → **more helpful**.

- Với tính từ từ 3 âm tiết trở lên:

Ví dụ: beautiful → **more beautiful than** | expensive → **more expensive than**.

Mẫu câu ví dụ cụ thể:

Ví dụ 3: Nga is more beautiful than Hong.

Giải thích chi tiết: Nga xinh đẹp hơn Hồng. Vì "beautiful" là tính từ dài (3 âm tiết) nên ta không thêm đuôi "er" mà thêm từ "more" ra phía trước.

Ví dụ 4: His car is more expensive than her car.

Giải thích chi tiết: Xe ô tô của anh ấy đắt hơn xe ô tô của cô ấy. Tính từ "expensive" là tính từ dài nên ta dùng cấu trúc "more expensive than".

2. CÁC LƯU Ý QUAN TRỌNG KHI SỬ DỤNG SO SÁNH HƠN

2.1. Không dùng dạng phủ định sai cấu trúc cho so sánh hơn

Quy tắc cấm: Không viết hoặc nói theo kiểu: *B isn't taller than A* (với mục đích diễn đạt ý A cao hơn B). Cách nói này gây rối và không tự nhiên trong ngữ pháp.

Trong trường hợp này, chúng ta bắt buộc phải đổi lại theo 2 cách đúng sau:

Cách 1: **"A is taller than B"** (A cao hơn B)

Cách 2: **"B isn't as tall as A"** (B không cao bằng A - cấu trúc so sánh không bằng)

2.2. Những tính từ đặc biệt bắt buộc phải học thuộc lòng

Đây là những tính từ bất quy tắc, chúng không thêm đuôi "er" và cũng không dùng "more", mà sẽ biến đổi thành một từ hoàn toàn mới:

- **good** → **better** (tốt hơn)
- **bad** → **worse** (tồi hơn / xấu hơn)
- **little** → **less** (ít hơn)
- **many / much** → **more** (nhiều hơn)
- **far** → **farther** (xa hơn về khoảng cách địa lý)

3. MƯỜI VÍ DỤ MẪU BẰNG TIẾNG ANH (KÈM GIẢI THÍCH CHI TIẾT)

Dưới đây là 10 mẫu câu ví dụ chuẩn giúp học sinh dễ dàng nhìn vào để bắt chước làm bài tập:

Mẫu câu 1: Summer is hotter than winter.

Giải thích: Mùa hè thì nóng hơn mùa đông. Tính từ "hot" là tính từ ngắn, trước chữ "t" là nguyên âm "o" nên ta phải gấp đôi chữ "t" thành "hotter".

Mẫu câu 2: This book is more interesting than that one.

Giải thích: Quyển sách này thú vị hơn quyển sách kia. "Interesting" là tính từ dài nên ta thêm từ "more" vào phía trước.

Mẫu câu 3: She is happier today than yesterday.

Giải thích: Hôm nay cô ấy hạnh phúc hơn hôm qua. Tính từ "happy" có 2 âm tiết nhưng tận cùng là đuôi "y", ta đổi "y" thành "i" rồi thêm "er" thành "happier".

Mẫu câu 4: An elephant is bigger than a dog.

Giải thích: Một con voi thì to lớn hơn một con chó. Tính từ "big" ngắn, ta nhân đôi âm cuối "g" thành "bigger".

Mẫu câu 5: Gold is more expensive than silver.

Giải thích: Vàng đắt hơn bạc. "Expensive" là tính từ dài nên ta dùng cấu trúc "more expensive than".

Mẫu câu 6: My English score is better than my math score.

Giải thích: Điểm tiếng Anh của tôi tốt hơn điểm toán. Ở đây dùng từ "better" vì đây là dạng so sánh hơn đặc biệt của tính từ "good".

Mẫu câu 7: Lan is lazier than her sister.

Giải thích: Lan lười biếng hơn chị gái cô ấy. Tính từ "lazy" tận cùng là "y", ta đổi thành "i" rồi thêm "er" thành "lazier".

Mẫu câu 8: A house is more comfortable than a tent.

Giải thích: Một ngôi nhà thì thoải mái, tiện nghi hơn một cái lều. "Comfortable" là tính từ dài nên ta phải mượn từ "more".

Mẫu câu 9: The weather today is worse than yesterday.

Giải thích: Thời tiết hôm nay tồi tệ hơn hôm qua. Từ "worse" là dạng so sánh hơn đặc biệt của tính từ "bad".

Mẫu câu 10: This street is narrower than that street.

Giải thích: Con phố này hẹp hơn con phố kia. Tính từ "narrow" tuy có 2 âm tiết nhưng kết thúc bằng đuôi "ow" nên vẫn áp dụng thêm "er" như tính từ ngắn.

4. MƯỜI BÀI TẬP THỰC HÀNH NGAY (10 CÂU)

Đề bài: Điền dạng đúng của tính từ trong ngoặc để hoàn thành câu so sánh hơn.

1. My house is than your house. (big)
 2. This dress is than that one. (beautiful)
 3. A car is than a bicycle. (fast)
 4. This lesson is than the last one. (easy)
 5. Health is than money. (important)
 6. The weather in HCM city is than in Hanoi. (hot)
 7. This soup is than that one. (good)
 8. A laptop is than a phone. (heavy)
 9. Living in the city is than living in the countryside. (expensive)
 10. The movie we watched yesterday was than this movie. (bad)
-

5. PHẦN ĐÁP ÁN VÀ GIẢI THÍCH CHI TIẾT

Thầy cô cho học sinh đối chiếu đáp án dưới đây sau khi các em làm bài xong nhé:

1. **bigger**

Giải thích: "big" là tính từ ngắn, phải gấp đôi chữ "g" trước khi thêm "er".

2. **more beautiful**

Giải thích: "beautiful" là tính từ dài nên ta thêm "more" ở trước.

3. **faster**

Giải thích: "fast" là tính từ ngắn, chỉ cần thêm đuôi "er".

4. **easier**

Giải thích: "easy" kết thúc bằng chữ "y", đổi "y" thành "i" rồi thêm "er".

5. more important

Giải thích: "important" là tính từ dài nên ta dùng từ "more".

6. hotter

Giải thích: "hot" là tính từ ngắn, kết thúc bằng 1 nguyên âm + 1 phụ âm nên ta gấp đôi phụ âm "t".

7. better

Giải thích: "good" là tính từ đặc biệt biến đổi bất quy tắc thành "better".

8. heavier

Giải thích: "heavy" có đuôi "y", đổi thành "i" rồi thêm "er".

9. more expensive

Giải thích: "expensive" là tính từ dài nên đi với từ "more".

10. worse

Giải thích: "bad" là tính từ đặc biệt biến đổi bất quy tắc thành "worse".